CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG ĐÔNG SƠN

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 – 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 – 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	7 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 – 11
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	12 – 41

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Đông Sơn (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Đông Sơn (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0104291191 đăng ký lần đầu ngày 09/12/2009 và được thay đổi lần 14 ngày 27/07/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm tài chính và cho đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Bà Nguyễn Thị Minh Huệ	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thành Trung	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Tiến Hưng	Thành viên
Ông Nguyễn Giang Nam	Thành viên
Ông Lại Thành Nam	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Tiến Hưng	Tổng Giám đốc
Ông Đậu Hiếu Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Minh Dũng	Phó Tổng Giám đốc

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Nguyễn Tiến Hưng - Tổng Giám đốc.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG ĐÔNG SƠN
Số 2, phố Nguyễn Thị Duệ, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội

CAM KẾT VỀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán, Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc

M.S.D.N: 0104291191 - C.T.C.P * CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG ĐÔNG SƠN * Q. CẦU GIẤY - TP HÀ NỘI

Nguyễn Tiến Hưng
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 17 tháng 03 năm 2025

Số: 27116.2/2024/BCTC/IAV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Đông Sơn

Chúng tôi đã Kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Đông Sơn (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 17 tháng 03 năm 2025, từ trang 07 đến trang 41, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc tới thuyết minh số 4.8 trong bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất: Trong số dư phải thu khách hàng tại ngày 31/12/2024 của Công ty có một số khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán liên quan đến các công trình xây dựng sử dụng vốn Ngân sách Nhà nước. Việc thu hồi các khoản phải thu này phụ thuộc vào việc các chủ đầu tư được giải ngân nguồn vốn ngân sách Nhà nước. Công ty vẫn đang tích cực làm việc với các chủ đầu tư để thu hồi các khoản công nợ quá hạn này. Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng sẽ thu hồi được các khoản phải thu này nên việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản công nợ nêu trên là không cần thiết.

Vấn đề nhấn mạnh này không ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán viên của chúng tôi.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính hợp nhất này vào ngày 10 tháng 06 năm 2024.

M.S.D.N: 0106299213 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ QUỐC TẾ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

DƯƠNG VĂN THIỆU	**NGUYỄN PHƯƠNG THÚY**
Phó Giám đốc	**Kiểm toán viên**
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5353-2025-283-1	Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4567-2022-283-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ QUỐC TẾ
Hà Nội, ngày 17 tháng 03 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

TÀI SẢN	Mã số	TM	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**435.870.345.474**	**494.171.266.309**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**4.1**	**36.540.937.443**	**122.166.696.643**
1. Tiền	111		34.540.937.443	122.166.696.643
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	**4.2**	**39.000.000.000**	**-**
1. Chứng khoán kinh doanh	121		28.000.000.000	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		11.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**302.837.948.870**	**224.250.115.725**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	194.688.739.842	88.263.540.055
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	85.491.362.350	87.635.889.673
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	4.5	5.000.000.000	13.960.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.6	17.657.846.678	34.390.685.997
IV. Hàng tồn kho	**140**		**49.180.139.243**	**134.297.767.979**
1. Hàng tồn kho	141	4.7	49.180.139.243	134.297.767.979
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**8.311.319.918**	**13.456.685.962**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		651.166.044	439.056.611
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		7.660.153.874	13.017.629.351
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**259.573.716.285**	**219.627.427.637**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**10.000.000**	**3.210.000.000**
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	4.5	-	3.200.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	4.6	10.000.000	10.000.000
II. Tài sản cố định	**220**		**11.758.129.433**	**11.209.834.764**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.9	11.758.129.433	11.209.834.764
- Nguyên giá	*222*		*21.696.459.007*	*22.346.230.125*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		*(9.938.329.574)*	*(11.136.395.361)*
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.10	-	-
- Nguyên giá	*228*		*58.300.000*	*58.300.000*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*229*		*(58.300.000)*	*(58.300.000)*
III. Bất động sản đầu tư	**230**		**-**	**-**
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**-**	**-**
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**4.11**	**247.755.066.241**	**204.951.755.648**
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		247.755.066.241	204.951.755.648
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**50.520.611**	**255.837.225**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	255.837.225
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		50.520.611	-
0. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**695.444.061.759**	**713.798.693.946**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
C - NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**464.613.008.479**	**535.994.171.495**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**380.140.968.754**	**367.207.328.797**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.12	131.099.235.889	143.486.996.939
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.13	83.729.160.307	94.492.457.919
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.16	3.294.139.389	1.910.795.335
4. Phải trả người lao động	314		1.608.918.958	1.305.734.330
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.14	6.018.917.972	5.312.524.362
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.15	33.869.004.460	34.672.908.570
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.17	119.878.504.131	85.382.823.694
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		643.087.648	643.087.648
II. Nợ dài hạn	**330**		**84.472.039.725**	**168.786.842.698**
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	4.13	79.886.615.725	168.686.842.698
2. Phải trả dài hạn khác	337	4.15	100.000.000	100.000.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.17	4.485.424.000	-
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**230.831.053.280**	**177.804.522.451**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**4.18**	**230.831.053.280**	**177.804.522.451**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		396.852.688	396.852.688
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		125.496.465.009	72.505.458.535
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		72.505.458.535	34.672.453.784
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		52.991.006.474	37.833.004.751
4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		4.937.735.583	4.902.211.228
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**695.444.061.759**	**713.798.693.946**

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Lê Bích Thủy	Lê Bích Ngọc	Nguyễn Tiến Hưng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 17 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Chỉ tiêu	Mã số	TM	Năm nay VND	Năm trước VND
1.	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**01**	**5.1**	**629.218.746.246**	**400.462.055.175**
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)**	**10**		**629.218.746.246**	**400.462.055.175**
4.	Giá vốn hàng bán	11	5.2	593.243.873.154	367.734.327.057
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)**	**20**		**35.974.873.092**	**32.727.728.118**
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	1.780.971.753	1.020.413.373
7.	Chi phí tài chính	22	5.4	6.159.183.731	5.516.268.142
	Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*6.159.183.731*	*5.516.268.142*
8.	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		42.803.310.593	23.878.487.083
9.	Chi phí bán hàng	25		-	-
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	16.615.058.756	12.386.960.889
11.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}**	30		**57.784.912.951**	**39.723.399.543**
12.	Thu nhập khác	31	5.6	1.059.091.813	7.838.780
13.	Chi phí khác	32	5.7	1.556.313.806	313.728.525
14.	**Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)**	**40**		**(497.221.993)**	**(305.889.745)**
15.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)**	**50**		**57.287.690.958**	**39.417.509.798**
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.8	4.311.680.740	1.589.825.196
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(50.520.611)	-
18.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)**	**60**		**53.026.530.829**	**37.827.684.602**
	- LNST của cổ đông của công ty mẹ	*61*		*52.991.006.474*	*37.833.004.751*
	- LNST của cổ đông không kiểm soát	*62*		*35.524.355*	*(5.320.149)*
19.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.9	5.299	3.783
20.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	5.9	5.299	3.783

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Lê Bích Thủy	Lê Bích Ngọc	Nguyễn Tiến Hưng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 17 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(theo phương pháp gián tiếp)

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Năm nay VND	Năm trước VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	***01***		***57.287.690.958***	***39.417.509.798***
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		893.516.031	975.899.959
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(45.643.373.462)	(24.898.900.456)
- Chi phí lãi vay	06		6.159.183.731	5.516.268.142
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***08***		***18.697.017.258***	***21.010.777.443***
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(68.066.713.895)	(15.193.788.208)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		85.117.628.736	(104.395.021.244)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(126.108.949.706)	202.201.205.523
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		43.727.792	(663.360.884)
Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		(28.000.000.000)	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(6.121.588.388)	(5.453.534.364)
- Thuế TNDN đã nộp	15		(2.512.072.315)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**(126.950.950.518)**	**97.506.278.266**
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.441.810.700)	(185.700.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.059.090.909	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(73.000.000.000)	(13.960.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24		74.160.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(4.486.362.458)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.566.806.672	186.872.004
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**2.344.086.881**	**(18.445.190.454)**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(theo phương pháp gián tiếp)

Chỉ tiêu	MS	TM	Năm nay VND	Năm trước VND
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	193.710.043.163	157.571.305.084
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(154.728.938.726)	(126.493.247.661)
I Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**38.981.104.437**	**31.078.057.423**
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**		**(85.625.759.200)**	**110.139.145.235**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**		**122.166.696.643**	**12.027.551.408**
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**		**36.540.937.443**	**122.166.696.643**

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Lê Bích Thủy	Lê Bích Ngọc	Nguyễn Tiến Hưng

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 17 tháng 03 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính kèm theo.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Đông Sơn (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0104291191 đăng ký lần đầu ngày 09/12/2009 và được thay đổi lần 14 ngày 27/07/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 57 người (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 39 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty: Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông, thuỷ lợi, đường dây trạm điện; sản xuất vật liệu xây dựng...

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng ngoại trừ một số công trình đặc thù của hoạt động xây lắp có thời gian trên 12 tháng.

1.4 Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2024, không có hoạt động nào có ảnh hưởng đáng kể đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

1.5 Cấu trúc công ty

Công ty có một (01) địa điểm kinh doanh và bốn (04) chi nhánh hạch toán độc lập sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Địa điểm kinh doanh	Khu B53, đường Anh Dũng, thôn Cầu, xã Kim Nỗ, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội
Chi nhánh số 1	Số 2, phố Nguyễn Thị Duệ, phường Yên Hoà, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Chi nhánh số 2	Số 2, phố Nguyễn Thị Duệ, phường Yên Hoà, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Chi nhánh số 3	Số 2, phố Nguyễn Thị Duệ, phường Yên Hoà, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Chi nhánh số 5	Số 2, phố Nguyễn Thị Duệ, phường Yên Hoà, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Các công ty con và công ty liên kết

Tên công ty	Tỉ lệ góp vốn	Tỉ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty con			
Công ty Cổ phần Công nghệ Đông Quang Investment	51%	51%	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
Công ty liên kết			
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Hà Nội - Bắc Giang	25%	25%	Doanh nghiệp dự án: thu phí đường bộ

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

2.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Giả định hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

2.3. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

3.4 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

3.5 Các khoản phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

3.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

3.7 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Máy móc, thiết bị	03 - 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10
Thiết bị dụng cụ, quản lý	03 - 05
Tài sản cố định khác	03 - 05

3.8 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

3.9 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp dịch vụ.

3.10 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

3.11 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài

sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

3.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

3.13 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và có danh sách chốt quyền cổ đông nhận cổ tức.

3.14 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:
•Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
•Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:
•Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
•Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

3.15 Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ

Giá vốn hàng bán bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ cung cấp trong năm và được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

3.16 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng; chi phí khấu hao; chi phí dự phòng; dịch vụ mua ngoài và chi phí khác.

3.17 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

3.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là bên liên quan nếu cùng được kiểm soát chung hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm *VND*	Số đầu năm *VND*
Tiền mặt	1.816.224.749	2.161.610.550
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	32.724.712.694	120.005.086.093
Các khoản tương đương tiền	2.000.000.000	-
Cộng	**36.540.937.443**	**122.166.696.643**

4.2 Đầu tư tài chính ngắn hạn

4.2.1 Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc *VND*	Dự phòng *VND*	Giá hợp lý (i) *VND*	Giá gốc *VND*	Dự phòng *VND*	Giá hợp lý (i) *VND*
Cổ phiếu	**28.000.000.000**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**
Công ty CP Phát triển Công nghiệp Đông Quang	28.000.000.000	-	(i)	-	-	(i)
Cộng	**28.000.000.000**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**

Giá trị hợp lý

(i) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Ngày 20/09/2024, Công ty đã ký Hợp đồng số 20.09/2024/HĐCN/ĐS-HA với ông Vũ Hoàng Anh để nhận chuyển nhượng 2.800.000 cổ phần Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp Đông Quang với tổng giá trị là 28 tỷ đồng. Tỷ lệ sở hữu sau khi nhận chuyển nhượng là 17,5% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp Đông Quang.

4.2.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	*11.000.000.000*	*11.000.000.000*	-	-
	11.000.000.000	**11.000.000.000**	**-**	**-**

(i) Tại thời điểm cuối năm, công ty có khoản tiền gửi có kỳ hạn 4 tháng tại ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh Mỹ Đình với lãi suất 1,9%/năm.

4.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm Giá trị *VND*	Số đầu năm Giá trị *VND*
Ban Quản lý Dự án Đầu tư XD tỉnh Nam Định	70.606.371.000	-
Công ty Cổ phần 479 Hòa Bình	27.456.440.000	-
Công ty TNHH giải pháp tích hợp Quốc Tế ACC	29.937.092.700	8.488.367.400
Tổng công ty Xây dựng Trường Sơn	9.736.913.112	8.777.017.126
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Khu vực thành phố Thủ Đức	7.768.523.232	7.768.523.232
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đạt Phương	6.523.056.822	-
Ban Quản lý Khu di tích địa đạo Củ chi	6.617.233.919	6.617.233.919
Công ty Cổ phần Công nghiệp Bitech	11.438.537.000	-
Ban Quản lý các Dự án Đường thủy	-	13.532.110.378
Các đối tượng khác	24.604.572.057	43.080.288.000
Cộng	**194.688.739.842**	**88.263.540.055**
Phải thu ngắn hạn của khách hàng với các bên liên quan (chi tiết Thuyết minh số 7.1)	**443.968.129**	**163.968.728**

4.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm *VND*	Số đầu năm *VND*
Công ty CP Phần mềm Tự động hóa Điều khiển	25.751.104.750	-
Công ty TNHH Xây dựng & Thương mại Katy	24.184.769.026	-
Công ty CP Đầu tư Hùng Thắng	14.785.182.100	11.882.827.000
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Vạn Tín	3.307.344.898	33.341.712.298
Các khoản trả trước cho người bán khác	17.462.961.576	42.411.350.375
Cộng	**85.491.362.350**	**87.635.889.673**

4.5 Phải thu về cho vay

4.5.1 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Dự án An Phát (i)	5.000.000.000	-
Đinh Thu Trang (ii)	-	6.000.000.000
Vũ Hoàng Anh (iii)	-	4.520.000.000
Nguyễn Văn Quang (iv)	-	3.440.000.000
Cộng	**5.000.000.000**	**13.960.000.000**

(i) Hợp đồng cho vay số 1112/2024/HĐCV/ĐQI ngày 11/12/2024, số tiền 5.000.000.000 đồng, thời hạn cho vay 12 tháng, lãi suất 6,5%/năm. Khoản cho vay phát sinh tại Công ty Con của công ty. Tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DL 049000, số vào sổ cấp GCN: CS 13218 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 24/4/2023 thuộc quyền sở hữu của bên thứ ba.

(ii) Hợp đồng cho vay số 30.12/2023/HĐCV/ĐS-ĐTT ngày 30/12/2023, số tiền là 6.000.000.000 đồng, thời hạn cho vay 10 tháng, lãi suất 12%/năm. Công ty đã thu hồi toàn bộ khoản cho bà Đinh Thu Trang vay trong năm 2024.

(iii) Hợp đồng cho vay số 13.07/2023/HĐCV/ĐS-HA ngày 13/07/2023, số tiền là 950.000.000 đồng, thời hạn cho vay 11 tháng, lãi suất 12%/năm; Hợp đồng cho vay số 09.11/2023/HĐCV/ĐS-HA ngày 09/11/2023, số tiền là 3.570.000.000 đồng, thời hạn cho vay 6 tháng, lãi suất 10%/năm. Công ty đã thu hồi toàn bộ khoản cho ông Vũ Hoàng Anh vay trong năm 2024.

(iv) Hợp đồng cho vay số 09.05/2023/HĐCV/ĐS-NVQ ngày 09/05/2023, số tiền 840.000.000 đồng, thời hạn cho vay 12 tháng, lãi suất 13%/năm; Hợp đồng cho vay số 05.12/2023/HĐCV/ĐS-NVQ ngày 05/12/2023, số tiền 2.600.000.000 đồng, thời hạn cho vay 6 tháng, lãi suất 10%/năm. Công ty đã thu hồi toàn bộ khoản cho ông Nguyễn Văn Quang vay trong năm 2024.

4.5.2 Phải thu về cho vay dài hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Lý Thị Thu Hà (i)	-	3.200.000.000
Cộng	**-**	**3.200.000.000**

(i) Hợp đồng cho vay số 01/HĐCV/ĐQI ngày 06/05/2023, số tiền là 3.200.000.000 đồng, thời hạn cho vay 24 tháng, lãi suất 9%/năm (khoản cho vay phát sinh tại công ty con). Công ty đã thu hồi toàn bộ khoản cho vay này trong năm 2024.

4.6 Phải thu khác

4.6.1 Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị *VND*	Dự phòng *VND*	Giá trị *VND*	Dự phòng *VND*
Ký quỹ, ký cược	44.422.209	-	180.503.255	-
Tạm ứng	15.321.355.636	-	32.025.919.128	-
Lãi vay phải thu	1.039.815.342	-	945.289.314	-
Các khoản khác	1.252.253.491	-	1.238.974.300	-
Cộng	**17.657.846.678**	**-**	**34.390.685.997**	**-**
Phải thu ngắn hạn của khách hàng với các bên liên quan (chi tiết Thuyết minh số 7.1)	**-**		**16.828.308.524**	

4.6.2 Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị *VND*	Dự phòng *VND*	Giá trị *VND*	Dự phòng *VND*
Ký quỹ, ký cược	10.000.000	-	10.000.000	-
Cộng	**10.000.000**	**-**	**10.000.000**	**-**

4.7 Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc *VND*	Dự phòng *VND*	Giá gốc *VND*	Dự phòng *VND*
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	22.565.632.400	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	49.180.139.243	-	111.724.728.958	-
Hàng hoá	-	-	7.406.621	-
Cộng	**49.180.139.243**	**-**	**134.297.767.979**	**-**

(i) Chi tiết chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang

	Số cuối năm *VND*	Số đầu năm *VND*
Công trình Đường bộ mới	18.831.234.135	23.026.451.771
Công trình Xây dựng các nhánh đường bờ tả rạch Mỹ Thủy	6.686.412.754	7.847.316.955
Công trình cầu vượt sông Đáy	10.260.302.986	35.719.916.488
Công trình cao tốc Vĩnh Hảo - Phan Thiết	2.248.979.710	4.822.374.055
Công trình Kè sông Hậu	-	7.397.854.619
Công trình cầu sông Sò	196.391.002	20.532.754.916
Các công trình dự án khác	10.956.818.656	12.378.060.154
	49.180.139.243	**111.724.728.958**

4.8 Nợ quá hạn

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc *VND*	Giá trị có thể thu hồi *VND*	Thời gian quá hạn	Giá gốc *VND*	Giá trị có thể thu hồi *VND*
Ban Quản lý Khu di tích địa đạo Củ Chi (i)	Trên 3 năm	6.617.233.919	6.617.233.919	Từ 2 - 3 năm	6.617.233.919	6.617.233.919
Ban QLDA Đầu tư xây dựng huyện Mộc Châu		-	-	Từ 2 - 3 năm	619.863.419	619.863.419
Ban QLDA ĐTXD và TĐC huyện Mai Sơn		-	-	Từ 6 tháng đến 1 năm	406.017.000	406.017.000
Các khách hàng khác	Từ 2 đến 3 năm	833.207.316	833.207.316	Từ 1 đến 3 năm	1.511.178.727	1.511.178.727
		7.450.441.235	**7.450.441.235**		**9.154.293.065**	**9.154.293.065**

Các khoản phải thu quá hạn thanh toán tại thời điểm 31/12/2024 nêu trên chủ yếu là của các công trình sử dụng vốn Ngân sách Nhà nước, việc thu hồi các khoản phải thu này phụ thuộc vào việc giải ngân nguồn vốn Nhà nước. Công ty vẫn đang tích cực áp dụng các biện pháp để đôn đốc thu hồi công nợ: Các biên bản làm việc, biên bản đối chiếu công nợ với chủ đầu tư định kỳ. Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng sẽ thu hồi được các khoản phải thu quá hạn này.

(i) Khoản phải thu Ban Quản lý Khu di tích Địa đạo Củ Chi về việc thi công công trình: Tiểu dự án Nâng cấp và xây dựng mới cơ sở vật chất khu Lâm Viên và khu căn cứ hiện hữu thuộc dự án Tái hiện, tôn tạo Khu di tích Lịch sử chiến khu Rừng Sác - Cần Giờ theo hợp đồng số 16-1/HĐ-ĐĐCC ngày 29/04/2020. Công trình đã hoàn thành và nghiệm thu đưa vào sử dụng theo biên bản số 155/BBNTĐVSD-ĐĐCC ngày 15/05/2020. Ngày 23/02/2024, Thành ủy TP.HCM gửi thông báo khẩn số 1014-TB/VPTU yêu cầu Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính khẩn trương phối hợp rà soát, đề xuất phương án tối ưu, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, chỉ đạo hoàn thành việc quyết toán kinh phí thực hiện dự án. Ngày 22/04/2024, Văn phòng UBND thành phố HCM có thông báo số 409/TB-VP về việc giao Sở tài chính chủ trì, phối hợp Sở xây dựng, chủ đầu tư xác định giá trị cần thanh toán cho nhà thầu để làm cơ sở cho việc quyết toán dự án. Ngày 21/08/2024, Ủy ban nhân dân Tp Hồ Chí Minh ra quyết định số 3484/QĐ-UBND về việc thành lập tổ công tác quyết toán kinh phí thực hiện dự án. Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng sẽ thu hồi được khoản phải thu này.

4.9 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc *VND*	Máy móc, thiết bị *VND*	Phương tiện vận tải, truyền dẫn *VND*	Thiết bị, dụng cụ quản lý *VND*	TSCĐ khác *VND*	Tổng cộng *VND*
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	**18.306.145.548**	**487.753.000**	**3.392.404.304**	**159.927.273**	**-**	**22.346.230.125**
Tăng trong năm	-	-	1.441.810.700	-	-	1.441.810.700
- Mua trong năm	-	-	*1.441.810.700*	-	-	*1.441.810.700*
Giảm trong năm	-	-	(2.091.581.818)	-	-	(2.091.581.818)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.091.581.818)	-	-	(2.091.581.818)
Số dư cuối năm	**18.306.145.548**	**487.753.000**	**2.742.633.186**	**159.927.273**	**-**	**21.696.459.007**
GIÁ TRỊ HAO MÒN						
Số dư đầu năm	**7.322.458.219**	**261.605.565**	**3.392.404.304**	**159.927.273**	**-**	**11.136.395.361**
Tăng trong năm	732.245.820	52.746.828	108.523.383	-	-	893.516.031
Khấu hao trong năm	*732.245.820*	*52.746.828*	*108.523.383*	-	-	*893.516.031*
Giảm trong năm	-	-	*(2.091.581.818)*	-	-	*(2.091.581.818)*
Thanh lý, nhượng bán	-	-	*(2.091.581.818)*	-	-	*(2.091.581.818)*
Số dư cuối năm	**8.054.704.039**	**314.352.393**	**1.409.345.869**	**159.927.273**	**-**	**9.938.329.574**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	**10.983.687.329**	**226.147.435**	**-**	**-**	**-**	**11.209.834.764**
Tại ngày cuối năm	**10.251.441.509**	**173.400.607**	**1.333.287.317**	**-**	**-**	**11.758.129.433**

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 1.664.999.759 VND, tại 01/01/2024 là 3.698.281.577 VND.
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31/12/2024 là 1.333.287.317 VND, tại ngày 01/01/2024 là 0 VND.

4.10 Tài sản cố định vô hình

	Chương trình phần mềm *VND*	Tổng cộng *VND*
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	58.300.000	58.300.000
Số dư cuối năm	58.300.000	58.300.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
Số dư đầu năm	58.300.000	58.300.000
Khấu hao trong năm	-	-
Số dư cuối năm	58.300.000	58.300.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu năm	-	-
Tại ngày cuối năm	-	-

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 58.300.000 VND, tại 01/01/2024 là 58.300.000 VND.
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31/12/2024 là 0 VND, tại ngày 01/01/2024 là 0 VND.

4.11 Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá trị ghi sổ	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	***124.080.600.000***	***247.755.066.241***	-	***124.080.600.000***	***204.951.755.648***	-
Công ty CP Đầu tư BOT Hà Nội - Bắc Giang	124.080.600.000	247.755.066.241	(i)	124.080.600.000	204.951.755.648	(i)
Cộng	**124.080.600.000**	**247.755.066.241**	-	**124.080.600.000**	**204.951.755.648**	-

Giá trị hợp lý

(i) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

4.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Đầu tư xây dựng Vạn Tín	24.364.986.062	24.364.986.062	24.935.938.143	24.935.938.143
Công ty CP XD và TM Vạn Tín Phát	23.483.093.513	23.483.093.513	12.898.199.558	12.898.199.558
Công ty CP Phần mềm tự động hóa điều khiển	-	-	12.019.388.000	12.019.388.000
Công ty CP Sản xuất Thương mại Thép Tín Phát	5.689.605.665	5.689.605.665	7.689.605.665	7.689.605.665
Công ty TNHH Kim khí Long Biên	4.104.501.330	4.104.501.330	8.977.640.081	8.977.640.081
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Katy	4.288.339.800	4.288.339.800	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	69.168.709.519	69.168.709.519	76.966.225.492	76.966.225.492
Cộng	**131.099.235.889**	**131.099.235.889**	**143.486.996.939**	**143.486.996.939**

4.13 Người mua trả tiền trước

4.13.1 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm *VND*	Số đầu năm *VND*
Sở Giao thông vận tải thành phố Đà Nẵng	32.733.128.305	-
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng tỉnh Nam Định	19.952.623.675	
Công ty Cổ phần 479 Hòa Bình	10.507.952.850	9.096.495.000
Ban QLDA ĐTXD Các Công trình Giao thông	11.386.407.950	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đạt Phương	-	75.635.811.827
Các khoản người mua trả tiền trước khác	9.149.047.527	9.760.151.092
	83.729.160.307	**94.492.457.919**

4.13.2 Người mua trả tiền trước dài hạn

	Số cuối năm *VND*	Số đầu năm *VND*
Ban Quản lý Dự án Đầu tư XD tỉnh Nam Định	79.886.615.725	88.705.948.000
Sở Giao thông vận tải thành phố Đà Nẵng	-	54.266.952.000
Các khoản người mua trả tiền trước khác	-	25.713.942.698
	79.886.615.725	**168.686.842.698**

4.14 Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm *VND*	Số đầu năm *VND*
Chi phí lãi vay	150.170.714	139.023.420
Chi phí các công trình	2.600.646.827	1.808.504.000
Chi phí thuê văn phòng phía Nam	2.856.000.000	2.652.000.000
Chi phí trích trước khác	412.100.431	712.996.942
	6.018.917.972	**5.312.524.362**

4.15 Phải trả khác

4.15.1 Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm *VND*	Số đầu năm *VND*
Kinh phí công đoàn	152.778.424	130.542.858
Các khoản bảo hiểm	2.122.635.088	3.505.501.251
Tổng Công ty 319 Bộ Quốc phòng (i)	27.366.707.918	28.319.952.004
Cổ tức phải trả	643.087.647	643.087.647
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.583.795.383	2.073.824.810
	33.869.004.460	**34.672.908.570**
Phải thu ngắn hạn của khách hàng với các bên liên quan (chi tiết Thuyết minh số 7.1)	**27.463.171.065**	**28.416.415.151**

(i) Chủ yếu là khoản Tổng Công ty 319 đã ứng tiền liên quan tới công trình Bệnh viện 175 theo khối lượng thi công ký hợp đồng ban đầu. Khoản tiền này Công ty sẽ phải đối chiếu và hoàn trả lại Tổng Công ty 319.

4.15.2 Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm *VND*	Số đầu năm *VND*
Nhận ký quỹ, ký cược	100.000.000	100.000.000
	100.000.000	**100.000.000**

4.16 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số cuối năm		Phát sinh trong năm		Số đầu năm	
	Phải thu *VND*	Phải nộp *VND*	Số đã nộp *VND*	Số phải nộp *VND*	Phải thu *VND*	Phải nộp *VND*
Thuế giá trị gia tăng	-	5.289.183	4.436.124.200	3.979.805.291	-	461.608.092
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3.191.724.646	2.512.072.315	4.311.680.739	-	1.392.116.222
Thuế thu nhập cá nhân	-	97.125.560	278.039.491	318.094.030	-	57.071.021
Thuế môn bài	-	-	12.000.000	12.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản khác	-	-	315.997.561	315.997.561	-	-
Cộng	**-**	**3.294.139.389**	**7.554.233.567**	**8.937.577.621**	**-**	**1.910.795.335**

4.17 Vay và nợ thuê tài chính

4.17.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	*VND*	*VND*	*VND*	*VND*	*VND*
Vay ngắn hạn	**119.878.504.131**	**119.878.504.131**	**189.047.543.163**	**152.051.862.726**	**82.882.823.694**	**82.882.823.694**
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Láng Hạ (i)	27.508.136.423	27.508.136.423	44.934.430.479	42.797.229.179	25.370.935.123	25.370.935.123
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Bến Thành (ii)	8.000.000.000	8.000.000.000	16.000.000.000	18.967.994.023	10.967.994.023	10.967.994.023
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Mỹ Đình (iii)	73.840.367.708	73.840.367.708	107.793.112.684	80.496.639.524	46.543.894.548	46.543.894.548
Công ty TNHH Hoàn Hảo (iv)	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-	-
Vay cá nhân (v)	530.000.000	530.000.000	10.320.000.000	9.790.000.000	-	-
Nợ đến hạn trả	**-**	**-**	**-**	***2.500.000.000***	***2.500.000.000***	***2.500.000.000***
Vay cá nhân (vi)	-	-	-	2.500.000.000	2.500.000.000	2.500.000.000
Cộng	**119.878.504.131**	**119.878.504.131**	**189.047.543.163**	**154.551.862.726**	**85.382.823.694**	**85.382.823.694**

4.17.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	*VND*	*VND*	*VND*	*VND*	*VND*
Ông Nguyễn Văn Minh (vii)	3.600.000.000	3.600.000.000	3.600.000.000	-	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Mỹ Đình (viii)	885.424.000	885.424.000	1.062.500.000	177.076.000	-	-
Cộng	**4.485.424.000**	**4.485.424.000**	**4.662.500.000**	**177.076.000**	**-**	**-**

Thông tin chi tiết các khoản vay

(i) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 1400-LAV-202401292 ngày 4/11/2024 giữa Công ty và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Láng Hạ với hạn mức vay là 50 tỷ đồng, thời gian duy trì hạn mức là 12 tháng, lãi suất được ghi trên từng giấy nhận nợ. Mục đích nhằm bổ sung vốn lưu động để thực hiện phương án kinh doanh. Hợp đồng tín dụng hạn mức số 1400- LAV-202301309 ngày 21/12/2023 giữa Công ty và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Láng Hạ với hạn mức vay là 152 tỷ đồng, Mục đích sử dụng vốn vay: Cho vay, phát hành bảo lãnh, mở LC... thực hiện công trình Cải tạo, nâng cấp QL14B TP Đà Nẵng. Thời hạn cấp tín dụng: đến ngày 15/5/2025.

Tài sản đảm bảo như sau:

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 838384 do sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 03/06/2021 thuộc sở hữu của bên thứ ba. Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 035840, số vào sổ cấp GCN: CS 21694 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 19/08/2016 thuộc quyền sở hữu của bên thứ ba. Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DG 620858, số vào sổ cấp GCN: CS 39143 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 18/07/2022 thuộc sở hữu của bên thứ ba. Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 780533, số vào sổ cấp GCN: CS 47886 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 21/07/2021 thuộc sở hữu của bên thứ ba.
- 01 sổ tiết kiệm có kỳ hạn tại Agribank Chi nhánh Láng Hạ thuộc quyền sở hữu của bên thứ ba.
- Xe ô tô mang biển số đăng ký: 30H625.88, xe ô tô mang biển số đăng ký: 30H-676.72 thuộc quyền sở hữu của Công ty và xe ô tô mang biển số: 30H526.77 thuộc quyền sở hữu của bên thứ ba.

(ii) Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 150/2023/HDTD/PDL ngày 18/08/2023 và văn bản sửa đổi số 150/2023/HDTD/PDL/SDBS/01 ngày 28/11/2024 giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Bến Thành, hạn mức tín dụng là 8,5 tỷ đồng tới ngày 01/04/2025, thời hạn mỗi khoản vay không quá 9 tháng và lãi suất vay được quy định cụ thể tại từng văn bản nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

(iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Mỹ Đình theo các hợp đồng tín dụng như sau:

1. Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2024/12738127/HĐTD ký ngày 09/09/2024 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Mỹ Đình với hạn mức vay là 90 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức tới ngày 15/08/2025. Thời hạn vay, lãi suất vay được quy định cụ thể theo từng lần giải ngân. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C.

2. Hợp đồng tín dụng hạn mức số 02/2023/12738127/HĐTD ngày 30/06/2023 với hạn mức tín dụng là 209 tỷ đồng. Mục đích sử dụng vốn vay: Cho vay, phát hành bảo lãnh, mở LC... thực hiện gói thầu Thi công xây dựng công trình đoạn Km19+00 đến cuối tuyến thuộc dự án "Xây dựng tuyến đường bộ mới Nam Định - Lạc Quần - Đường bộ ven biển. Thời hạn cấp tín dụng: đến ngày 30/11/2026.

3. Hợp đồng tín dụng hạn mức số 03/2023/12738127/HĐTD ngày 8/9/2023 với hạn mức tín dụng là 85 tỷ đồng. Mục đích sử dụng vốn vay: Cho vay, phát hành bảo lãnh, mở LC... thực hiện gói thầu Thi công xây dựng công trình đoạn Km19+00 đến cuối tuyến thuộc dự án "Xây dựng tuyến đường bộ mới Nam Định - Lạc Quần - Đường bộ ven biển. Thời hạn cấp tín dụng: đến ngày 30/11/2026.

4. Hợp đồng tín dụng hạn mức số 04/2023/12738127/HĐTD ngày 8/9/2023 với hạn mức tín dụng là 134 tỷ đồng. Mục đích sử dụng vốn vay: Cho vay, phát hành bảo lãnh, mở LC... thực hiện gói thầu Xây dựng cầu vượt Sông Đáy. Thời hạn cấp tín dụng: đến ngày 31/12/2024.

5. Tài sản đảm bảo của các hợp đồng vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Mỹ Đình như sau:

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 999692, số vào sổ cấp GCN: CS 05504 do sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 31/03/2016 thuộc quyền sở hữu của bên thứ ba. Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 337320, số vào sổ cấp GCN: CS 64704 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 28/12/2018 thuộc quyền sở hữu của bên thứ ba. Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 592484, số vào sổ cấp GCN: CS 26694 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 29/09/2015 thuộc quyền sở hữu của bên thứ ba. Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CO 407087 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hòa Bình cấp ngày 26/12/2018 thuộc quyền sở hữu của bên thứ ba;

- Xe ô tô con mang BKS: 30F-831.94; Xe ô tô con mang BKS: 30H-164.10, Xe ô tô con mang BKS 30K724.93 thuộc quyền sở hữu của bên thứ ba;

- Quyền tài sản (bao gồm cả quyền tài sản hình thành trong tương lai) phát sinh theo các Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 619/2023/HĐXD ký ngày 29/06/2023; số 30/2023/HĐXD-ĐS ký ngày 15/08/2023 và số 16/2023/HĐ-XD/DA2 ký ngày 08/06/2023 thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Đông Sơn.

(iv) Khoản vay Công ty TNHH Hoàn Hảo theo HĐTD số 01/2024/HĐCV ngày 29/07/2024, điều chỉnh bởi PL01.01/2024/HĐCV ngày 28/09/2024 với hạn mức cho vay: 10.000.000.000 VND. Thời hạn vay: đến ngày 31/3/2025. Mục đích vay: Phục vụ thi công dự án Đường bộ mới. Lãi suất: 0,1%/năm. Biện pháp đảm bảo: Không áp dụng biện pháp đảm bảo.

(v) Khoản vay ông Nguyễn Quang Bình theo hợp đồng cho vay tiền ngày 01/02/2024 với số tiền cho vay: 530.000.000 VND. Thời hạn cho vay: 12 tháng. Lãi suất: 4,6%/năm. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động của Chi nhánh 3. Biện pháp bảo đảm: không có biện pháp bảo đảm.

(vi) Khoản vay đến hạn:

- Hợp đồng vay vốn số 01/2019/TH-319INV ngày 28/02/2019 với ông Hoàng Thanh Hải có thời hạn vay 05 năm, lãi suất 0%/năm để bổ sung nguồn vốn phục vụ hoạt động kinh doanh của công ty. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty đã thanh toán toàn bộ khoản vay cho ông Hoàng Thanh Hải.

- Hợp đồng vay vốn số 02/2019/TH-319INV ngày 22/05/2019 với bà Lê Thu Huyền có thời hạn vay 05 năm, lãi suất 0%/năm để bổ sung nguồn vốn phục vụ hoạt động kinh doanh của công ty. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty đã thanh toán toàn bộ khoản vay cho bà Lê Thu Huyền.

(vii) Khoản vay ông Nguyễn Văn Minh theo hợp đồng vay vốn số 01/ĐS-CN ngày 15/03/2024 với số tiền cho vay: 3.600.000.000 VND. Thời hạn vay: đến ngày 15/03/2026. Mục đích vay: phục vụ hoạt động kinh doanh. Lãi suất vay vốn: 0%/tháng. Biện pháp đảm bảo: Không áp dụng biện pháp đảm bảo.

(viii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Mỹ Đình theo hợp đồng tín dụng số 01/2024/12738127/HĐTD ngày 22/05/2024. Hạn mức tín dụng: 1.062.500.000 VND. Thời hạn vay: 36 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích vay: Cho vay đầu tư 01 xe ô tô Camry AXVA70L-JEZQBT mới 100%, nhập khẩu nguyên chiếc, sản xuất năm 2024. Thời hạn thanh toán: Trả nợ gốc trong 12 kỳ (mỗi kỳ 3 tháng) vào ngày 25 tháng cuối quý. Số tiền trả nợ mỗi kỳ: 88.538.000 VND. Kỳ trả nợ cuối cùng là ngày đáo hạn khoản vay, số tiền trả nợ kỳ cuối cùng là số tiền còn lại của khoản vay. Lãi vay trả vào ngày 25 hàng tháng. Lãi suất: Trong vòng 12 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đầu tiên, áp dụng lãi suất cố định: 7,5%/năm. Sau 12 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất cho vay = lãi suất tiết kiệm dân cư thông thường VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau (+) margin 3,5%/ năm, nhưng không thấp hơn sàn lãi suất cho vay trung hạn của Ngân hàng từng thời kỳ.

4.18 Vốn chủ sở hữu

4.18.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	*VND*	*VND*	*VND*	*VND*
Số dư đầu năm trước	**100.000.000.000**	**396.852.688**	**(22.184.828.979)**	**-**	**78.212.023.709**
Tăng trong năm					
- Lợi nhuận trong năm	-	-	*37.833.004.751*	-	*37.833.004.751*
- Góp vốn trong năm	-	-		*4.900.000.000*	*4.900.000.000*
- Lãi trong Công ty liên doanh, liên kết trước khi lập báo cáo tài chính hợp nhất	-	-	*56.992.668.565*	-	*56.992.668.565*
- Lợi ích của Cổ đông thiểu số trước thời gian hợp nhất	-	-	-	*7.531.377*	*7.531.377*
Giảm trong năm					
- Lỗ trong năm	-	-	-	*(5.320.149)*	*(5.320.149)*
- Chia cổ tức	-	-	*(67.692.901)*	-	*(67.692.901)*
- Trích lập các quỹ	-		*(67.692.901)*	-	*(67.692.901)*
Số dư cuối năm trước	**100.000.000.000**	**396.852.688**	**72.505.458.535**	**4.902.211.228**	**177.804.522.451**
Số dư đầu năm nay	**100.000.000.000**	**396.852.688**	**72.505.458.535**	**4.902.211.228**	**177.804.522.451**
Tăng trong năm					
- Lợi nhuận trong năm			*52.991.006.474*	*35.524.355*	*53.026.530.829*
Số dư cuối năm nay	**100.000.000.000**	**396.852.688**	**125.496.465.009**	**4.937.735.583**	**230.831.053.280**

4.18.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị *VND*	Tỷ lệ %	Giá trị *VND*	Tỷ lệ %
Bà Nguyễn Thị Minh Huệ	20.000.000.000	20,00%	46.000.000.000	46,00%
Tổng Công ty 319 Bộ Quốc phòng	15.000.000.000	15,00%	15.000.000.000	15,00%
Ông Nguyễn Tiến Hưng	3.000.000.000	3,00%	10.000.000.000	10,00%
Ông Đậu Hiếu Thắng	1.500.000.000	1,50%	7.000.000.000	7,00%
Vốn góp các cổ đông khác	60.500.000.000	60,50%	22.000.000.000	22,00%
Cộng	**100.000.000.000**	**100%**	**100.000.000.000**	**100%**

4.18.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay *VND*	Năm trước *VND*
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	100.000.000.000	100.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	100.000.000.000	100.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	**-**	**67.692.901**

4.18.4 Cổ phiếu

	Số cuối năm *Cổ phiếu*	Số đầu năm *Cổ phiếu*
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	**10.000.000**	**10.000.000**
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	**10.000.000**	**10.000.000**
Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	**-**	**-**
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	**10.000.000**	**10.000.000**
Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (10.000 đồng/Cổ phiếu)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

5.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay *VND*	Năm trước *VND*
Doanh thu bán hàng hoá	135.241.250.186	93.085.628.900
Doanh thu hợp đồng xây dựng	492.189.680.294	301.334.092.720
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.787.815.766	6.042.333.555
	629.218.746.246	**400.462.055.175**
Doanh thu phát sinh trong năm với các bên liên quan (chi tiết Thuyết minh số 7.1)	**3.240.729.557**	**1.897.788.637**

5.2 Giá vốn hàng bán và dịch vụ đã cung cấp

	Năm nay *VND*	Năm trước *VND*
Giá vốn của hàng hóa đã bán	132.977.408.134	92.840.127.179
Giá vốn hợp đồng xây dựng	459.878.649.253	274.759.954.811
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	387.815.767	134.245.067
Cộng	**593.243.873.154**	**367.734.327.057**

5.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay *VND*	Năm trước *VND*
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.780.971.753	1.020.413.373
Cộng	**1.780.971.753**	**1.020.413.373**

5.4 Chi phí tài chính

	Năm nay *VND*	Năm trước *VND*
Lãi tiền vay	6.159.183.731	5.516.268.142
Cộng	**6.159.183.731**	**5.516.268.142**

5.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay *VND*	Năm trước *VND*
Chi phí nhân viên quản lý	10.251.091.275	6.869.957.648
Chi phí đồ dùng văn phòng	113.571.714	45.829.006
Chi phí khấu hao TSCĐ	870.303.531	841.654.892
Thuế, phí và lệ phí	264.212.148	236.247.817
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.659.972.838	4.122.975.336
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	455.907.250	270.296.190
Cộng	**16.615.058.756**	**12.386.960.889**

5.6 Thu nhập khác

	Năm nay *VND*	Năm trước *VND*
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	1.059.091.813	-
Các khoản khác	-	7.838.780
Cộng	**1.059.091.813**	**7.838.780**

5.7 Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản phạt vi phạm hành chính và chậm nộp	1.018.042.428	-
Các khoản khác	538.271.378	313.728.525
Cộng	**1.556.313.806**	**313.728.525**

5.8 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm nay VND	Năm trước VND
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Đông Sơn	4.293.556.068	1.592.539.558
Công ty CP Công nghệ Đông Quang Investment	18.124.672	(2.714.362)
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	**4.311.680.740**	**1.589.825.196**

5.9 Lãi cơ bản/Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	52.991.006.474	37.833.004.751
Lợi nhuận hoặc (Lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông	52.991.006.474	37.833.004.751
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	10.000.000	10.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**5.299**	**3.783**
Cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	**5.299**	**3.783**

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

6.1 Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	193.710.043.163	157.571.305.084
	193.710.043.163	**157.571.305.084**

6.2 Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	154.728.938.726	126.493.247.661
	154.728.938.726	**126.493.247.661**

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

7.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: Các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

Họ và tên	Chức vụ	Năm nay *VND*	Năm trước *VND*
Bà Nguyễn Thị Minh Huệ	Chủ tịch HĐQT	417.000.000	333.000.000
Ông Nguyễn Tiến Hưng	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	542.000.000	379.000.000
Bà Tất Ngọc Phương	Thành viên HĐQT, (miễn nhiệm ngày 12/5/2023)	-	254.400.000
Ông Đậu Hiếu Thắng	Phó Tổng Giám đốc	244.400.000	254.400.000
Ông Nguyễn Giang Nam	Thành viên HĐQT	60.000.000	15.000.000
Ông Lại Thành Nam	Thành viên HĐQT	141.000.000	145.700.000
Ông Nguyễn Thành Trung	Phó Chủ tịch HĐQT	84.000.000	6.000.000
Ông Đậu Hùng Dũng	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/05/2023)	-	80.800.000
Ông Trần Minh Dũng	Phó Tổng Giám đốc	244.400.000	245.400.000
Bà Lý Thị Thu Hà	Thành viên BKS	189.000.000	164.000.000
Bà Đỗ Thị Thùy Dương	Thành viên BKS	12.000.000	7.500.000
Bà Mai Thị Hà	Thành viên BKS	6.000.000	125.579.100
Bà Lương Thị Thu Hà	Trưởng Ban kiểm soát	6.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Hường	Thành viên BKS	6.000.000	-
Bà Phạm Thị Huệ Chi	Thành viên BKS	-	109.664.676

Số dư các khoản phải thu/(phải trả) với các thành viên quản lý chủ chốt

	Nội dung	Số cuối năm *VND*	Số đầu năm *VND*
Phải thu khác			
Ông Nguyễn Tiến Hưng	Tạm ứng	-	13.389.000.034
Bà Tất Ngọc Phương	Tạm ứng	-	72.308.489
Ông Trần Minh Dũng	Tạm ứng	-	3.367.000.001
		-	**16.828.308.524**

7.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: Các doanh nghiệp, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp có quyền kiểm soát ở Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ và các công ty trong cùng tập đoàn.

Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Hà Nội - Bắc Giang	Công ty liên kết
Xí nghiệp 11 - Tổng Công ty 319 Bộ Quốc Phòng	Đơn vị trực thuộc của Cổ đông lớn
Tổng Công ty 319 Bộ Quốc Phòng	Cổ đông lớn
Công ty CP Công nghệ Đông Quang Investment	Công ty con
Công ty Cổ phần Thái Hà Number One	Chủ tịch HĐQT Công ty đồng thời là chủ tịch Công ty CP Thái Hà Number One
Công ty Cổ phần Đông Quang Holdings	Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	Nội dung	Năm nay VND	Năm trước VND
Công ty CP Đầu tư BOT Hà Nội - Bắc Giang	Doanh thu xây dựng công trình	3.240.729.557	1.897.788.637
		3.240.729.557	**1.897.788.637**

Mua hàng hóa và dịch vụ	Nội dung	Năm nay VND	Năm trước VND
Công ty Cổ phần Đông Quang Holdings	Mua hàng hóa	-	3.682.591.050
	Cho thuê xe	-	147.272.727

Các giao dịch khác	Nội dung	Năm nay VND	Năm trước VND
Công ty CP Đầu tư BOT Hà Nội - Bắc Giang	Thu tiền thi công	3.219.988.520	
Xí nghiệp 11 - Tổng Công ty 319 Bộ Quốc Phòng	Trả tiền tạm ứng	60.000.000	-
Công ty Cổ phần Thái Hà Number One	Nhận chuyển nhượng vốn tại công ty con	-	5.100.000.000
Công ty Cổ phần Đông Quang Holdings	Thanh toán tiền mua hàng	-	4.050.850.155

Số dư các khoản phải thu/(phải trả) với các bên liên quan khác

Nội dung		Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu khách hàng			
Công ty CP Đầu tư BOT Hà Nội - Bắc Giang	Phải thu tiền thi công công trình	443.968.129	163.968.728
		443.968.129	**163.968.728**

	Nội dung	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả khác			
Tổng Công ty 319 Bộ Quốc phòng	Phải trả khác	27.366.707.918	28.319.952.004
	Cổ tức phải trả và	96.463.147	96.463.147
		27.463.171.065	**28.416.415.151**

7.2. Thông tin về bộ phận

Công ty không phải lập báo cáo bộ phận do không thỏa mãn 1 trong 3 điều kiện phải lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý được quy định tại Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính v/v hướng dẫn thực hiện sáu (06) chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ Tài chính.

7.3. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Sự kiện chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh của Công ty được thuyết minh tại mục 4.2.1: Ngày 27/02/2025, Công ty đã ký Hợp đồng số 01/2025/HĐCN/ĐSH-NTT với ông Đỗ Thanh Tùng để thoái toàn bộ 2.800.000 cổ phần Công ty Cổ phần phát triển Công nghiệp Đông Quang với tổng giá trị chuyển nhượng là 28,5 tỷ đồng.

Ngoài sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính này

7.4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Kiểm toán An Việt.

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Lê Bích Thủy	Lê Bích Ngọc	Nguyễn Tiến Hưng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 17 tháng 03 năm 2025